

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2024/HS-ST**

Ngày: **07/03/2024**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị L Dung và ông Trần Trung Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh T13, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 03 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2024/TLST-HS ngày 26/01/2024 theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HS ngày 23/02/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, tên gọi khác: Không; Giới tính: nam; Sinh năm 1980; Nơi sinh: Huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKHKTT, chỗ ở: Tổ 5, phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Công chức địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường thuộc UBND xã K, huyện K; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12.

Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam sinh hoạt tại Chi bộ 6, Đảng bộ xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết Đ số 41-QĐ/UBND THU ngày 07/8/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy K;

Bố đẻ: Nguyễn Xuân O (đã chết); Mẹ đẻ: Đỗ Thị L (đã chết); Gia đình có 6 anh, chị, em; bị cáo là con thứ sáu; Vợ: Lại Thị Thanh T, sinh năm 1981. Hiện đang là công chức kế toán thuộc Huyện ủy K và trú tại: Tổ 5, phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/8/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện K. Đến ngày 17/01/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh”. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Lưu Đồng Đ (SN 1968); Địa chỉ: Phố M, thị trấn T, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

+ Bùi Thị H (SN1979); Địa chỉ: Phố M, thị trấn T, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

+ Lê Hồng P (SN 1990); Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

+ Vũ Thị T1 (SN 1992); Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình.
+ Đào Thị T2 (SN1996); Địa chỉ: Xóm 10, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.
+ Phạm Văn H1 (SN1977); Địa chỉ: Thôn Đường 10 Đ, xã X, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Trần Thị G (SN1978); Địa chỉ: Thôn Đường 10 Đông, xã X, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Trần Văn Đ (SN1974); Địa chỉ: Xóm 8, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Vũ Thị H2 (SN1970); Địa chỉ: Xóm 8, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Phạm Thị L (SN1977); Địa chỉ: Xóm 10, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ D Ngọc T3 (SN1976); Địa chỉ: Phường D, thành phố D, tỉnh Bình D.

+ Nguyễn Thị O (SN1977); Địa chỉ: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Phạm Văn T4 (SN1975); Địa chỉ: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

(Tất cả những người bị hại đều vắng mặt).

- Người có Quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bùi Văn D (SN 1983); Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

+ D Thị V (SN 1986); Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

+ Trần Thị Đ1 (SN 1980); Địa chỉ: Xóm 9, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Chu Văn Q (SN 1997); Địa chỉ: Xóm 10, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Vũ Đại T5 (SN1987); Địa chỉ: Phường N, thành phố Ninh Bình.

+ Lê Thị H3 (SN1990); Địa chỉ: Phường N, thành phố Ninh Bình.

+ Vũ Văn T6 (SN 1985); Địa chỉ: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Đỗ Văn Đ2 (SN1984); Địa chỉ: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình;

+ Bùi Thị Nguyệt N (SN1989); Địa chỉ: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Trần Văn N1 (SN1967); Địa chỉ: Tam H, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Nguyễn Thị H4 (SN1970); Địa chỉ: Tam H, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Dương Ngọc H5 (SN1936); Địa chỉ: Xóm 05, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Phan Thanh N2 (SN1981); Địa chỉ: Xóm 7B, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Đỗ Văn T7 (SN1972); Địa chỉ: Xóm 7B, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Lê Hồng C (SN1974); Địa chỉ: Xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Phan Thu P (SN1981); Địa chỉ: Xóm 7B, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Phạm Văn C1 (SN1948); Địa chỉ: Xóm 10, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Phạm Văn L2 (SN1969); Địa chỉ: Xóm 11, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Nguyễn Ngọc T8 (SN1956); Địa chỉ: Xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Hoàng Quốc K (SN1951); Địa chỉ: Xóm 10, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Phạm Văn Đ (SN1983); Địa chỉ: Xóm 06, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Phạm Thị Kim O (SN1987); Địa chỉ: Xóm 06, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Phạm Đức T9 (SN1973); Địa chỉ: Xóm 2, thôn T, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

+ Vũ Văn P1 (SN1986); Địa chỉ: Xóm 5B, xã Lưu PH4, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Phan Thị T10 (SN1984) - Cán bộ tư pháp – UBND xã K.

+ Lại Thị Thanh T (SN 1981); Địa chỉ: Phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Lê Văn Đ (SN 1993); Địa chỉ: Xóm 9, xã Kim Tân, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Ngô Xuân H6 - Chức vụ Phó chủ tịch UBND xã K, huyện K.

(Tất cả những người có Quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).

- Người làm chứng:

- + Bùi Văn P2 (SN1976); Địa chỉ: Xóm 7A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.
 - + Dương Ngọc T11 (SN1994); Địa chỉ: Xóm 05, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.
 - + Trừ Văn T12 (SN1976); Địa chỉ: Xóm 4, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.
- (Tất cả những người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H là công chức địa chính thuộc UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình được phân công phụ trách lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn xã theo Quyết định số 9164/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện K. Ngoài chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Bộ Nội vụ, H còn được UBND xã giao nhiệm vụ hướng dẫn thủ tục cho các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình liên hệ giải Quyết việc sử dụng đất đai trên địa bàn theo quy chế làm việc ban hành kèm theo Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND xã K.

Trong thời gian từ tháng 2/2022 đến tháng 7/2023, vì động cơ vụ lợi cho bản thân nên sau khi tiếp nhận 08 hồ sơ giải Quyết thủ tục đất đai của 09 hộ dân, H đã không báo cáo với Lãnh đạo UBND xã, không ghi vào sổ sách theo dõi, không giải thích đầy đủ các quy định của pháp luật cho các hộ dân dẫn đến việc họ không hiểu để thực hiện theo quy trình nên đã nhờ H thực hiện toàn bộ thủ tục. H đã gợi ý cho các hộ dân thu số tiền cao hơn chi phí thực tế để H lợi hoặc nhận tiền bồi dưỡng khi làm xong các thủ tục đất đai. Cụ thể như sau:

- Vụ thứ 1: Khoảng tháng 5/2022, vợ chồng ông Bùi Văn D, sinh năm 1983 và bà Dương Thị V, sinh năm 1986 cùng trú tại thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình dẫn vợ chồng ông Lưu Đồng Đ, sinh năm 1968 và bà Bùi Thị H7, sinh năm 1979 cùng trú tại thị trấn T, huyện H; vợ chồng ông Lê Hồng P, sinh năm 1990 và bà Vũ Thị T1, sinh năm 1992 cùng trú tại xã T, huyện H cùng bà Trần Thị Đ1, sinh năm 1980, trú tại xóm 9, xã K đến phòng làm việc của H ở UBND xã K gặp và nhờ H làm thủ tục chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ địa chính số 8 xã K năm 2019 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK113513 cấp ngày 10/4/2018 của bà Đ1 cho hộ ông Đ và hộ bà T1. H đồng ý. H yêu cầu những người trên cung cấp giá trị chuyển nhượng các thửa đất và giấy tờ có liên quan, gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, căn cước công dân của các bên mua bán... Sau đó cả nhóm thống nhất tách thửa đất số 142 làm 04 thửa, hộ ông Đ nhận 02 thửa, hộ bà T1 nhận 01 thửa và còn lại của bà Đ1. Thời gian sau, khi soạn xong các giấy tờ liên quan đến việc đề nghị tách thửa, H gọi bà Đ1 đến phòng làm việc để ký hồ sơ, trình lãnh đạo UBND xã K ký xác nhận. Xác nhận xong, H đưa hồ sơ cho bà Đ1 mang nộp về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện K. Sau đó, H thực hiện việc dẫn đạc để Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K đo đạc mốc giới, địa giới thửa đất số 142 và xác Đ được các thửa đất của hộ ông Đ lần lượt có diện tích 89,2m², 89,5m²; thửa đất của hộ bà T1 có diện tích 180,7m² và thửa đất còn lại của bà Đ1 có diện tích 381,6m². Sau khi đo đạc, H soạn sẵn 03 hợp đồng

chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mỗi hợp đồng có giá trị 150.000.000đồng, bỏ trống số thửa và gọi những người liên quan đến UBND xã K ký hồ sơ. Tại đây, H nói chi phí làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đ hết 20.000.000đồng/2giấy, hộ bà T1 hết 9.000.000đồng/1giấy. Ông Đ, bà T1 đã đưa cho H tổng số tiền 29.000.000đồng theo yêu cầu của H. Đến ngày 18/01/2023, việc tách thửa hoàn tất, số thửa đất của bà Đ1 là 458; số thửa đất của hộ ông Đ là 459 và 460; thửa đất của hộ bà T1 có số 461. Khi H lấy các hợp đồng chuyển nhượng ra điền số thửa thì P1 hiện có sai sót nên đã soạn lại hợp đồng và đưa cho những người liên quan ký lại. Tuy nhiên, sau đó H không tiếp tục làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà cất các hồ sơ vào tủ. Do H chưa hoàn thành công việc nên ngày 03/7/2023 ông Bùi Văn D đã có đơn tố giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K. Sau khi làm việc với Cơ quan công an, ngày 04/7/2023 Nguyễn Văn H đã gặp ông Bùi Văn P2, sinh năm 1976, trú tại xóm 7A, xã K (là anh trai của ông D) để nhờ trả lại hồ sơ và số tiền 27.000.000đồng đã nhận của ông Đ và bà T1. Thời gian sau H tiếp tục gặp ông P2 để nhờ trả số tiền 2.000.000đồng còn lại.

Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 28/7/2023 của ông Nguyễn Trường T13 là người giám định tư pháp theo vụ việc thuộc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình kết luận: *“Đối với thủ tục tách thửa đất của bà Trần Thị Đ1: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện K đã tiếp nhận hồ sơ ngày 10/01/2023 và đã hoàn thiện hồ sơ trả kết quả ngày 18/01/2023, thửa đất của bà Trần Thị Đ1 được tách thành 04 thửa thuộc tờ bản đồ địa chính số 18 xã K lập năm 2019 là các thửa: 458, 459, 460, 461. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K không thu bất kỳ khoản phí và lệ phí nào. Thời gian thực hiện thủ tục tách thửa đất theo quy định là 15 ngày làm việc. Đối với hộ ông Lưu Đồng Đ thực hiện thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Trần Thị Đ1 (thửa 459, thửa 460), nếu thực hiện thì: Thời gian thực hiện thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 10 ngày làm việc (không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính). Tổng chi phí Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai sẽ thu để giải quyết thủ tục hành chính theo quy định cho hộ ông Lưu Đồng Đ là 100.000đồng/02 Giấy chứng nhận (phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất). Đối với hộ bà Vũ Thị T1 thực hiện thủ tục nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất từ bà Trần Thị Đ1 (thửa 461), nếu thực hiện thì: Thời gian thực hiện thủ tục nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất là 10 ngày làm việc (không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ T5 chính). Tổng chi phí Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai sẽ thu để giải quyết thủ tục hành chính theo quy định cho hộ bà Vũ Thị T1 là 50.000đồng/01 Giấy chứng nhận (phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).”*

Tại Công văn số 476 ngày 31/7/2023 của Chi cục Thuế khu vực K, Y xác định: *“Thửa đất số 459, giá trị theo hợp đồng chuyển nhượng là 150.000.000đồng. Tổng số tiền thuế phải nộp theo quy định gồm: Lệ phí trước bạ 750.000đồng và thuế thu nhập cá nhân 3.000.000đồng. Thửa đất số 460, giá trị theo hợp đồng chuyển nhượng là 150.000.000đồng. Tổng số tiền thuế phải nộp theo quy định gồm: Lệ phí trước bạ 750.000đồng và thuế thu nhập cá nhân 3.000.000đồng. Thửa đất số 461, giá trị theo hợp đồng chuyển nhượng là 150.000.000đồng. Tổng số tiền thuế phải*

nộp theo quy định gồm: Lệ phí trước bạ 750.000đồng và thuế thu nhập cá nhân 3.000.000đồng.”

Như vậy, việc H nhận của ông Lưu Đồng Đ 20.000.000đồng và nhận của bà Vũ Thị T1 9.000.000đồng đã vượt quá số tiền thực tế theo quy định ông Đ phải nộp là 7.600.000đồng, bà T1 phải nộp là 3.800.000đồng. Hành vi của Nguyễn Văn H đã gây thiệt hại cho ông Đ 12.400.000đồng, cho bà T1 5.200.000đồng.

- **Vụ thứ 2:** Tháng 11/2022, bà Đào Thị T2, sinh năm 1966 và con trai là anh Chu Văn Q, sinh năm 1997, cùng trú tại xóm 10, xã K, huyện K đến phòng làm việc tại UBND xã K gặp và nhờ H làm thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 27, tờ bản đồ địa chính số 24 cấp cho hộ ông Vũ Đại T5, sinh năm 1987 và bà Lê Thị H3, sinh năm 1990 cùng trú tại phường N, thành phố N. H đồng ý và nói phải đo đạc, tách thửa đất trước rồi mới chuyển nhượng được. H yêu cầu cả hai cung cấp giá trị chuyển nhượng và các giấy tờ liên quan gồm: căn cước công dân của các bên mua bán; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... Sau khi có các giấy tờ trên, H soạn hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với giá trị 150.000.000đồng, các bên ký và chứng thực hợp đồng tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND xã K. Sau đó, bà T2 đưa cho H 12.000.000đồng nộp L phí theo yêu cầu của H. Do anh Q phải đi làm ăn xa nên H đã làm giấy ủy quyền để anh Q ủy quyền cho anh Phan Thành N, sinh năm 1981, trú tại xóm 7B, xã K, huyện K đi nộp hồ sơ, nhận kết quả và đóng các khoản phí, lệ phí theo quy định. Khi hoàn tất các giấy tờ, thủ tục liên quan, H trình Lãnh đạo UBND xã K ký xác nhận, đưa hồ sơ cho anh N đi nộp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND huyện K. Thời gian sau H thực hiện việc dẫn đạc để Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K đo đạc mốc giới, địa giới thửa đất trên. Khi có thông báo nộp thuế, H đưa số tiền 3.800.000đồng nhờ anh N đi nộp thuế và nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Q mang về cho H. Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, H đưa giấy chứng nhận này cho bà T2. Sau khi làm việc với Cơ quan công an, trong tháng 8/2023 gia đình Nguyễn Văn H đã trả lại số tiền 8.200.000đồng cho bà Đào Thị T2.

Tại Kết luận giám Đ tư pháp ngày 28/7/2023 của ông Nguyễn Trường T13 là người giám Đ tư pháp theo vụ việc thuộc Sở T5 nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình kết luận: *“Đối với thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất của anh Chu Văn Q: Thời gian thực hiện thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 10 ngày làm việc (không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính). Tổng chi phí Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai sẽ thu để giải quyết thủ tục hành chính theo quy định cho anh Chu Văn Q là 50.000đồng/01Giấy chứng nhận (phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).”*

Ngày 13/7/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện K có Công văn số 472 đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K cung cấp hồ sơ chuyển nhượng Quyền sử dụng đất thửa đất số 27, tờ số 24 của anh Chu Văn Q, kết quả: *“Tổng số tiền thuế mà anh Chu Văn Q quy định đã nộp để thực hiện thủ tục trên gồm: Lệ phí trước bạ 750.000đồng đã nộp theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 2054306; thuế thu nhập cá nhân 3.000.000đồng đã nộp theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà*

nước số 2054285 cùng ngày 11/5/2023 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Tam Điệp, phòng giao dịch K. ”

Như vậy, việc Nguyễn Văn H nhận của bà Đào Thị T2 số tiền 12.000.000đồng đã vượt quá số tiền thực tế bà T2 phải nộp theo QUY ĐỊNH là 3.800.000đồng, gây thiệt hại cho bà T2 số tiền 8.200.000đồng.

- **Vụ thứ 3:** Khoảng tháng 3/2023, ông Vũ Văn T6, sinh năm 1985, trú tại xóm 2, xã K được vợ chồng ông Phạm Văn H1, sinh năm 1977 và bà Trần Thị G, sinh năm 1978, trú tại thôn Đ, xã X, huyện K nhờ làm thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ông T6 đã đến gặp H để nhờ làm thủ tục đối với thửa đất số 72, tờ bản đồ số 8 chuyển nhượng một phần từ vợ chồng ông Đỗ Văn Đ2, sinh năm 1984 và bà Bùi Thị Nguyệt N, sinh năm 1989, cùng trú tại xóm 2, xã K cho ông H1, bà G. Tại đây, ông T6 đã đưa cho H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 72, căn cước công dân của các bên mua bán. Khi nhận tài liệu, H nói với ông T6 chữ viết trong phần diện tích đất trên giấy chứng nhận bị sai. Vì vậy muốn làm thủ tục chuyển nhượng đất cho bà G thì ông Đ2 phải làm thủ tục đính chính Giấy chứng nhận trước rồi mới tách thửa và chuyển nhượng được. Do đã thống nhất trước với bà G nên khi nộp hồ sơ, ông T6 đã đưa cho H 10.000.000đồng để làm các thủ tục. Sau khi nhận tiền, H đã soạn các giấy tờ và hướng dẫn vợ, chồng ông Đ2 hoàn thành việc đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tiếp đó H soạn các giấy tờ liên quan đến việc đề nghị tách thửa cho vợ, chồng ông Đ2 ký, trình hồ sơ để lãnh đạo UBND xã K ký. Xác nhận xong, H đưa cho vợ, chồng ông Đ2 mang nộp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND huyện K. Sau khi vợ, chồng ông Đ2 nộp hồ sơ, H thực hiện việc dẫn đặc để Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K đo đạc mốc giới, địa giới thửa đất số 72 và xác Đ thửa đất của ông H1, bà G có diện tích là 61,2m². Có kết quả đo đạc, H soạn trước hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông H1, bà G với giá trị chuyển nhượng là 350.000.000đồng nhưng chưa đưa cho các bên ký. Đến ngày 03/7/2023, khi đang chờ kết quả tách thửa thì H bị đình chỉ công tác. Ngày 14/7/2023, việc tách thửa hoàn tất, số thửa đất của vợ chồng ông H1, bà G có số là 311. Sau khi làm việc với Cơ quan công an, trong tháng 7/2023, H đã trả lại số tiền 10.000.000đồng cho bà Trần Thị G.

Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 13/11/2023 của ông Nguyễn Trường T13 kết luận: “*Đối với thủ tục đính chính, tách thửa đất của ông Đỗ Văn Đ2 và bà Bùi Thị Nguyệt N: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện K đã tiếp nhận hồ sơ tách thửa của ông Đỗ Văn Đ2 và bà Bùi Thị Nguyệt N ngày 03/7/2023 và đã hoàn thiện hồ sơ, trả kết quả ngày 14/7/2023, thửa đất của ông Đỗ Văn Đ2 và bà Bùi Thị Nguyệt N được tách thành 02 thửa: Thửa số 310 và thửa số 311. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện K không thu bất kỳ khoản phí và lệ phí nào. Thời gian thực hiện thủ tục tách thửa đất là 15 ngày làm việc.*

Đối với thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Đỗ Văn Đ2, bà Bùi Thị Nguyệt N của Phạm Văn H1, bà Trần Thị G: Nếu hồ sơ này nộp trước ngày 22/7/2023, thì tổng chi phí Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện K sẽ thu để giải Quyết thủ tục hành chính theo quy định cho ông Phạm Văn H1, bà Trần Thị G là 50.000 đồng/01 Giấy chứng nhận. Thời gian thực hiện thủ tục là 10 ngày làm việc (không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính). ”

Tại Công văn số 1005 ngày 27/12/2023 của Chi cục thuế khu vực K - Y xác định: “Số tiền thuế mà bà Trần Thị G phải nộp để làm thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 311 gồm: Thuế thu nhập cá nhân 7.000.000đồng và lệ phí trước bạ 1.750.000đồng. Tổng tiền thuế bà G phải nộp nếu thực hiện là 8.750.000đồng.”

Như vậy, việc Nguyễn Văn H nhận của bà Trần Thị G 10.000.000đồng đã vượt quá số tiền thực tế bà G phải nộp theo QUY ĐỊNH là 8.800.000đồng, gây thiệt hại cho bà G số tiền 1.200.000đồng.

- **Vụ thứ 4:** Khoảng tháng 3/2023, ông Trần Văn Đ, sinh năm 1974, trú tại xóm 8, xã K, huyện K đến phòng làm việc của H để nhờ hướng dẫn thủ tục nhận chuyển nhượng một phần Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14 từ anh trai là hộ ông Trần Văn N1, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1970 cùng trú tại đường T, Tam H, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, H nói với ông Đ thời hạn sử dụng đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản nước ngọt đều ghi là lâu dài; hơn nữa để đủ điều kiện tách thửa thì mỗi thửa đất mới được tách ra phải có tối thiểu là 60m² đất ở. Do đó muốn làm được thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông N1 phải làm thủ tục đính chính Giấy chứng nhận, chuyển đổi mục đích sử dụng thêm 30m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở lâu dài trước rồi mới tách thửa và chuyển nhượng được. Ông Đ đồng ý, nhờ H làm thủ tục đính chính giấy chứng nhận và chuyển đổi mục đích sử dụng đất. H nhận hồ sơ của ông Đ, yêu cầu ông Đ cung cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa đất số 48, căn cước công dân của ông N1, bà H4. Sau đó H soạn các giấy tờ liên quan đến việc đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N1. Khi soạn xong, H đưa cho ông Đ gửi vào thành phố Hồ Chí Minh cho ông N1 ký và gửi về cho H. Nhận được hồ sơ đã được ông N1 ký, H trình hồ sơ để Lãnh đạo UBND xã K ký xác nhận sau đó đưa cho ông N1 nộp về bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND huyện K. Thời gian sau, ông N1 về, H soạn trước các thủ tục liên quan đến việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất rồi gọi ông Đ, ông N1 đến phòng làm việc của H để ký hồ sơ. Sau khi ký hồ sơ, H nói đưa trước cho H mấy triệu để lo công việc nên ông Đ đã đưa cho H 2.000.000đồng. H đưa hồ sơ cho ông Đ, ông N1 đi nộp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND huyện K. Vài ngày sau, ông Đ đến phòng làm việc của H, gặp và giục H làm nhanh thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất. H nói với ông Đ muốn làm nhanh thì đưa thêm cho H 5.000.000đồng nên ông Đ đã đưa thêm số tiền này cho H. Đến ngày 09/5/2023 việc đính chính thời hạn sử dụng đất hoàn thành; ngày 27/6/2023 việc đính chính tên chủ sử dụng đất hoàn thành. H tiếp tục hoàn thiện hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng 30m² đất trồng cây lâu năm sang đất ở lâu dài cho ông N1 và trình Lãnh đạo UBND xã K ký xác nhận hồ sơ. Trong khi chờ Lãnh đạo UBND xã K xác nhận thì H bị đình chỉ công tác. Sau khi làm việc với Cơ quan công an, trong tháng 7/2023 H đã trả lại 7.000.000đồng cho ông Đ.

Tại Công văn số 338 ngày 22/11/2023 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện K xác định: “Đối với thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân do Phòng tài nguyên và Môi trường huyện là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, thời gian giải

quyết hồ sơ theo quy định 15 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ; Không tính thời gian các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; khi trả kết quả người sử dụng đất phải nộp lệ phí là 150.000đồng đối với thửa đất tại các xã được quy định tại Nghị quyết số 96/2023/NQ-HDND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình. Ngoài các phí, lệ phí nêu trên ông N1 phải nộp tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ nhà đất đối với diện tích 30m² đất trồng cây lâu năm chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn (Số tiền nộp theo Thông báo nộp tiền của cơ quan thuế và nộp tại các Ngân hàng liên kết với ngân sách nhà nước”.

Tại Công văn số 1005 ngày 27/12/2023 của Chi cục thuế khu vực K - Y xác định: “Số tiền thuế mà ông Trần Văn N1 phải nộp để thực hiện việc chuyển đổi 30m² đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở lâu dài đối với thửa đất số 48 gồm: Tiền sử dụng đất 1.425.000đồng; lệ phí trước bạ 30.000đồng. Tổng tiền thuế mà ông N1 phải nộp nếu thực hiện là 1.455.000đồng.”

Như vậy, việc Nguyễn Văn H nhận của ông Trần Văn Đ tổng số tiền 7.000.000đồng đã vượt quá số tiền thực tế ông Đ phải nộp theo quy định là 1.605.000đồng, gây thiệt hại cho ông Đ số tiền 5.395.000đồng.

- **Vụ thứ 5:** Khoảng tháng 3/2023, bà Vũ Thị H2, sinh năm 1970, trú tại xóm 8, xã K mang theo các giấy tờ liên quan đến UBND xã K gặp và nhờ H hướng dẫn thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 78, tờ bản đồ địa chính số 13 do UBND xã K bán trái thẩm quyền vào năm 1996 với giá 2.750.000đồng cho bà H2 và chồng là ông Trần Viết T14, sinh năm 1968, trú tại xóm 8, xã K. H đồng ý và yêu cầu bà H2 nộp phiếu thu tiền ngày 30/5/1996 cùng giấy tờ liên quan. Quá trình soạn các thủ tục cho vợ chồng bà H2 thì ông T14 mắc bệnh qua đời, bà H2 lại nhờ H làm lại thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H2. Tháng 5/2023, H soạn đơn đề nghị đo đạc, trích lục bản đồ và dẫn đặc để Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K đo đạc mốc giới, địa giới thửa đất trên. Sau khi đo đạc, H nói với bà H2 chuẩn bị cho H 7.000.000đồng để H làm thủ tục. Vài ngày sau, bà H2 đến phòng làm việc đưa cho H số tiền 7.000.000đồng. Đến tháng 7/2023, H hoàn thiện các giấy tờ có liên quan đến việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H2 và trình Lãnh đạo UBND xã K ký xác nhận. Trong khi đang chờ Lãnh đạo UBND xã K ký xác nhận hồ sơ thì H bị đình chỉ công tác. Sau khi làm việc với Cơ quan công an, trong tháng 7/2023 H đã trả lại 7.000.000đồng cho bà H2.

Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 13/11/2023 của ông Nguyễn Trường T13 kết luận: “Tổng chi phí Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai sẽ thu để giải quyết thủ tục hành chính theo quy định trong trường hợp của bà Vũ Thị H2 này là 100.000đồng/01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu thực hiện trước ngày 22/7/2023).”

Tại Công văn số 1005 ngày 27/12/2023 của Chi cục thuế khu vực K - Y xác định: “Số tiền thuế mà bà Vũ Thị H2 phải nộp để thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 78, tờ số 13, bản đồ địa chính xã K lập năm

2019 là 289.160đồng lệ phí trước bạ.”

Như vậy, việc Nguyễn Văn H nhận của bà Vũ Thị H2 số tiền 7.000.000đồng đã vượt quá số tiền thực tế bà H2 phải nộp theo quy định là 389.160đồng, gây thiệt hại cho bà H2 số tiền 6.610.840đồng.

- **Vụ thứ 6:** Khoảng tháng 5/2023, bà Phạm Thị L, sinh năm 1977, trú tại xóm 10, xã K đến phòng làm việc của H nhờ làm thủ tục đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ địa chính số 24. H đồng ý và yêu cầu bà L đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K xin bản sao hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất trên nhưng hồ sơ sao bị thiếu bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi bà L đưa cho hồ sơ sao, H làm các thủ tục, giấy tờ liên quan đến việc đề nghị cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L. Làm xong H gọi bà L đến phòng làm việc ký hồ sơ rồi trình Lãnh đạo UBND xã K ký xác nhận. Xác nhận hồ sơ xong, H yêu cầu bà L nộp cho H 9.000.000đồng là chi phí làm thủ tục, bà L đưa cho H số tiền này. Sau đó H đưa hồ sơ cho bà L và hướng dẫn bà L khi nào xin được bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mang nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả một cửa UBND huyện K. H được H lợi toàn bộ số tiền 9.000.000đồng của bà L. Sau khi làm việc với Cơ quan công an, ngày 10/7/2023 H đã trả lại số tiền 9.000.000đồng cho bà Phạm Thị L.

Như vậy, việc Nguyễn Văn H nhận của bà Phạm Thị L số tiền 9.000.000đồng để chiếm H đã gây thiệt hại cho bà L số tiền 9.000.000đồng.

- **Vụ thứ 7:** Khoảng tháng 3/2023, ông Trừ Văn T12, sinh năm 1976, trú tại xóm 4, xã L, huyện K dẫn ông Dương Ngọc T3, sinh năm 1976, trú tại phường D, thành phố D, tỉnh Bình D đến phòng làm việc của Nguyễn Văn H nhờ hướng dẫn làm thủ tục nhận cho tặng quyền sử dụng đất của thửa đất số 59, tờ bản đồ địa chính số 5 từ hộ ông Dương Ngọc H5, sinh năm 1939 và bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1956, cùng trú tại xóm 5, xã K. Sau khi xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, H nói với ông T3 phải làm thủ tục đính chính thời hạn sử dụng đất trước rồi mới làm thủ tục tặng cho được. Ông T3 nhờ H làm thủ tục, H đồng ý và yêu cầu ông T3 nộp các giấy tờ có liên quan gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, căn cước công dân của những người có liên quan. Mấy ngày sau, tại quán bia ở khu vực phố T, thị trấn P, huyện K, ông T3 đưa cho H 5.000.000đồng để H làm các thủ tục. Sau khi nhận tiền, H soạn các giấy tờ đề nghị đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hiện, gọi ông H5 đến UBND xã K ký hồ sơ, trình Lãnh đạo UBND xã K ký xác nhận. Xác nhận xong, H đưa hồ sơ cho ông Hiện nộp về bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND huyện K. H còn soạn trước hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông H5 với vợ chồng ông T3, cho những người này ký và soạn các văn bản từ chối thừa kế đối với những người con khác đang sống ở xa của ông H5, đưa cho gia đình ông H5 gửi cho họ ký và chứng thực văn bản. Đến ngày 13/4/2023, việc đính chính thời hạn sử dụng đất của ông H5 đã hoàn thành. Trong khi chờ các văn bản từ chối thừa kế từ những người con khác của ông H5 để tiếp tục làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất thì H bị đình chỉ công tác. Sau khi làm việc với Cơ quan công an, trong tháng 7/2023 H đã trả lại 5.000.000đồng cho ông T3.

Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 13/11/2023 của ông Nguyễn Trường T13 kết luận: “Đối với thủ tục nhận tặng cho quyền sử dụng đất của ông Dương Ngọc T3 và bà Trừ Thị X, nếu thực hiện thì tổng chi phí Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện K sẽ thu để giải quyết thủ tục hành chính theo quy định cho ông Dương Ngọc T3 và bà Trừ Thị X: Nếu hồ sơ này nộp trước ngày 22/7/2023 là 50.000 đồng; nếu hồ sơ này nộp trong khoảng thời gian sau ngày 22/7/2023 đến trước ngày 25/9/2023 là 150.000 đồng; nếu hồ sơ này nộp sau ngày 24/9/2023 là 762.680 đồng.”

Tại Công văn số 1005 ngày 27/12/2023 của Chi cục thuế khu vực K - Y xác Đ: “Thủ tục nhận tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 59, tờ số 5, bản đồ địa chính xã K lập năm 2019 của ông Dương Ngọc T3 được miễn thuế thu nhập cá nhân và lệ phí trước bạ.”

Như vậy, việc Nguyễn Văn H nhận của ông Dương Ngọc T3 số tiền 5.000.000đồng đã vượt quá số tiền thực tế ông T3 phải nộp theo quy định là 50.000đồng, gây thiệt hại cho ông T3 số tiền 4.950.000đồng.

- **Vụ thứ 8:** Khoảng tháng 2/2022, vợ chồng bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1977 và ông Phạm Văn T4, sinh năm 1975, cùng trú tại xóm 2, xã K đến phòng làm việc gặp và nhờ H làm thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ địa chính số 8 từ hộ ông Vũ Văn D1 (không rõ năm sinh, địa chỉ cư trú) đã mua cách đó khoảng 20 năm. Tại đây bà O đưa cho H 01 giấy nhận quyền sử dụng đất của thửa đất trên và 10.000.000đồng nhờ H làm giúp các thủ tục, H nhận tiền và đồng ý giúp. Sau đó H khảo sát và P1 hiện thửa đất của bà O đang sử dụng có hình thể lớn hơn với các tờ bản đồ địa chính năm 1997 và năm 2019 do chủ cũ của thửa đất đã mua thêm đất từ thửa đất nhà hàng xóm phía Đông nhưng không làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. H nói với bà O, muốn làm được thủ tục nhận chuyển nhượng với diện tích như hiện tại thì bà O phải tìm được chủ cũ thửa đất, làm thủ tục nhận chuyển nhượng với họ diện tích ban đầu, sau đó mới tiếp tục làm thủ tục nhận chuyển nhượng diện tích đất tăng thêm với nhà hàng xóm. Ngoài ra, bà O còn phải mượn được giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của nhà hàng xóm hiện nay. Bà O đồng ý nhưng sau đó không tìm được chủ cũ của thửa đất nhà mình và cũng không mượn được giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất hàng xóm. Đến tháng 5/2022, nghĩ rằng số tiền mình đưa ít nên H không làm giúp mình, bà O đến nhà H gặp và đưa thêm cho H 20.000.000đồng, nhờ H tiếp tục làm thủ tục. H nhận tiền và vẫn yêu cầu bà O phải tìm được chủ cũ thửa đất, mượn được giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của hàng xóm. Đến tháng 11/2022, do bà O không thực hiện được yêu cầu của H nên đã xin lại giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và số tiền 30.000.000đồng đã đưa cho H. Vài hôm sau, H mang giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và số tiền 27.000.000đồng trả lại cho bà O. Số tiền 3.000.000đồng, H nói với bà O đã sử dụng để lo chi phí công việc nên không trả lại số tiền này. Sau khi làm việc với Cơ quan công an, tháng 7/2023 H đã trả lại số tiền 3.000.000đồng cho bà Nguyễn Thị O.

Như vậy, việc Nguyễn Văn H nhận của bà Nguyễn Thị O 30.000.000 đồng, đã trả lại 27.000.000đồng trước khi hành vi phạm tội bị phát hiện, chiếm H 3.000.000đồng. Hành vi của Nguyễn Văn H đã gây thiệt hại số tiền 3.000.000đồng cho bà O.

Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 28/7/2023 của ông Nguyễn Trường T13 kết luận các nội dung: “*Tại Khoản 3 Điều 18 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 quy định những việc cán bộ, công chức không được làm liên quan đến đạo đức công vụ: Lợi dụng, lạm dụng nhiệm vụ, Quyền hạn; sử dụng thông tin liên đến công vụ để vụ lợi, do đó, ông Nguyễn Văn H không được phép nhận tiền bồi dưỡng, tiền cảm ơn, tiền công trong quá trình giải quyết công việc.*

Khi người sử dụng đất thực hiện các quyền (chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, chia tách thửa đất, ...) thì nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã nơi có đất hoặc Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả của UBND cấp huyện (trường hợp người nộp hồ sơ không phải là chủ sử dụng đất thì phải có Giấy ủy Quyền của người sử dụng đất theo quy định). Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận có trách nhiệm trả cho người nộp hồ sơ (Người sử dụng đất) Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. Như vậy, việc ông Nguyễn Văn H nhận giải quyết hồ sơ cho các hộ gia đình, cá nhân nhưng không thực hiện nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã hoặc cấp huyện (hồ sơ gửi kèm không có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả) là không đúng quy định của Bộ thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh Ninh Bình công bố tại Quyết Định số 760/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải Quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm Quyền giải Quyết của Sở tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Vi phạm này, bị xử lý theo quy định của pháp luật về công chức.

Ông Nguyễn Văn H không được UBND xã K giao nhiệm vụ thu phí, lệ phí giải Quyết thủ tục hành chính liên quan đến hồ sơ của các hộ gia đình, cá nhân nêu trên. Việc ông Nguyễn Văn H nhận (thu) tiền để giải Quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho các hộ gia đình, cá nhân nêu trên là vi phạm pháp luật.

Ông Nguyễn Văn H là Công chức Nhà nước, nhận tiền để giải Quyết hồ sơ thủ tục hành chính về đất đai và chậm thực hiện cho các hộ gia đình, cá nhân ngoài việc ảnh hưởng đến Quyền lợi (vật chất và phi vật chất) của người sử dụng đất, còn làm ảnh hưởng lớn đến uy tín của các cơ quan Nhà nước có liên quan, vi phạm các quy định của Nhà nước về giải Quyết thủ tục hành chính về đất đai.

Mức độ ảnh hưởng đến Quyền lợi của người sử dụng đất và uy tín của các cơ quan Nhà nước có liên quan, Người giám định tư pháp theo vụ việc thực hiện giám định không đủ điều kiện, năng lực để xác định.

Nếu ông Nguyễn Văn H là Đảng viên, với những vi phạm đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K nêu trong Quyết định số 130/QĐĐTTH ngày 19/7/2023, thì ông Nguyễn Văn H còn bị xem xét, xử lý kỷ luật về mặt Đảng theo quy định.”

Như vậy, tổng giá trị thiệt hại mà Nguyễn Văn H gây ra cho các hộ dân là 55.955.840 đồng, gồm: ông Lưu Đồng Đ là 12.400.000đồng; bà Vũ Thị T1 là 5.200.000đồng; bà Đào Thị T2 là 8.200.000đồng; bà Trần Thị G là 1.200.000đồng; ông Trần Văn Đ là 5.395.000đồng; bà Vũ Thị H2 là 6.610.840đồng; bà Phạm Thị L

là 9.000.000đồng; ông Dương Ngọc T3 là 4.950.000đồng và bà Nguyễn Thị O là 3.000.000đồng.

Quá trình điều tra đã thu giữ trên người Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động nhãn **hiệu** Iphone 7, màu đen. Thu giữ tại nơi làm việc của Nguyễn Văn H: 01 cây máy tính để bàn nhãn **hiệu** DCKC và 01 màn hình nhãn **hiệu** ACER; 01 USB nhãn **hiệu** APACER màu trắng đen; 01 thùng catton niêm phong bên trong chứa 614 trang tài liệu. Thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Văn H: 01 máy tính Laptop nhãn **hiệu** Dell màu đen (không có pin); 01 két sắt màu xanh kích thước (60x90x40)cm; 01 quyển sổ tay màu xanh lục kích thước (7,5x10,5)cm gồm 62 trang cả bìa; 01 thùng catton niêm phong bên trong chứa 67 trang tài liệu; 01 USB nhãn **hiệu** VGCA màu trắng; 12 phong bì thư trong đó có 08 phong bì thư mở, mặt ngoài không ghi thông tin, bên trong các phong bì không chứa đồ vật, tài liệu; 04 phong bì thư được dán kín mép, mặt ngoài phong bì thư được đánh số thứ tự từ 1 đến 4 bên trong có tổng số tiền 6.600.000đồng; 01 sổ hộ khẩu số 430133321 do Công an xã Kim Tân cấp ngày 28/8/2013; 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CA387303 mang tên bà Lê Thị X, sinh năm 1963, trú tại xóm 7, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Vật chứng được giải Quyết trong quá trình điều tra: Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã trả lại các đồ vật, tài liệu cấp cho công chức địa chính xã gồm: 01 cây máy tính và 01 màn hình có đặc điểm nêu trên; 01 thùng catton niêm phong bên trong có 614 trang tài liệu là các thủ tục hành chính về đất đai của người dân do H đang thực hiện hoặc đã thực hiện xong, lưu trữ tại bộ phận địa chính xã; 01 USB nhãn **hiệu** VGCA không lưu trữ dữ liệu cho UBND xã K.

Thùng catton bên trong có 67 trang tài liệu của người dân đến liên hệ với H để giải Quyết thủ tục hành chính về đất đai, sau khi sao các tài liệu và trả lại cho những người dân là chủ tài liệu này; 01 sổ hộ khẩu số 430133321 đã được trả lại cho anh Lê Văn Đ; 01 két sắt bên trong không chứa đồ vật, tài liệu đã trả lại cho bà Lại Thị Thanh T là vợ của H.

Chuyển từ tài khoản của Công an huyện K đến tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện K 6.600.000đồng. Chuyển từ kho vật chứng của Công an huyện K đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện K các vật chứng gồm: 01 điện thoại di động; 01 USB nhãn **hiệu** APACER; 01 Laptop có đặc điểm như trên và 12 vỏ phong bì thư để giải Quyết cùng vụ án.

Chuyển lưu trữ theo hồ sơ vụ án: 01 quyển sổ tay; 605 trang tài liệu được in ra tại cây máy tính để bàn nhãn **hiệu** DCKC; 614 trang tài liệu được sao lưu từ tài liệu thu giữ tại phòng làm việc; 251 trang tài liệu được in ra tại máy tính Laptop; 67 trang tài liệu được sao lưu từ tài liệu thu giữ tại nơi ở để giải Quyết cùng vụ án.

Đối với 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CA387303 được bà Lê Thị X trình bày thừa đất trong giấy chứng nhận đã đổi cho em trai là ông Lê Văn C, sinh năm 1972, trú tại xóm 7, xã N, huyện K. Ông C sau đó đã bán lại cho Nguyễn Văn H với giá 250.000.000đồng. Hiện ông C cùng gia đình đang đi làm ăn xa, không xác Đ được địa chỉ cụ thể. Do đó, Cơ quan điều tra đã tách giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất này và phần tài liệu có liên quan để tiếp tục điều tra, xác minh.

Bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 26/01/2024 Viện Kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “*Lợi dụng chức vụ, Quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” quy định tại Khoản 1, Điều 356 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên quyết định truy tố; Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào các Khoản 1, Khoản 4 Điều 356; các điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 27 đến 33 tháng Cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giam là 170 ngày (từ 01/08/2023 đến 17/01/2024) bằng 510 ngày Cải tạo không giam giữ (tương đương 17 tháng).

+ Khấu trừ 5 đến 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo; Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 20 đến 30 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

+ Thời hạn chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ, tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự nhận được Quyết định thi hành án, bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính Quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 và 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự xử lý vật chứng và án phí như sau:

- Trả lại cho bị cáo số tiền 6.600.000đ nhưng quản lý đảm bảo thi hành án.
- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, 01 máy tính Laptop nhãn hiệu Dell màu đen (không có pin); 01 USB nhãn hiệu APACER.
- Tiếp tục quản lý theo hồ sơ 01 quyển sổ tay màu xanh lục kích thước (7,5x10,5)cm gồm 62 trang cả bìa; 605 trang tài liệu được in ra tại cây máy tính để bàn nhãn hiệu DCKC; 614 trang tài liệu được sao lưu từ tài liệu thu giữ tại phòng làm việc; 251 trang tài liệu được in ra tại máy tính Laptop; 67 trang tài liệu được sao lưu từ tài liệu thu giữ tại nơi ở.
- Tịch thu tiêu hủy 12 phong bì thư trong đó có 08 phong bì thư mở, mặt ngoài không ghi thông tin, bên trong các phong bì không chứa đồ vật, tài liệu.
- Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi nêu trên; Bị cáo, không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về Tội danh của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Bản cáo trạng số: 07 /CT-VKS-KS ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, Kết luận giám Đ tư pháp ngày 28/7/2023 của ông Nguyễn Trường T13 là người giám định tư pháp theo vụ việc thuộc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình

Căn cứ vào các tài liệu trên đã có đủ căn cứ xác định: Nguyễn Văn H là công chức địa chính làm việc tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình được phân công phụ trách lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn xã theo Quyết định số 9164/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện K. Ngoài chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Bộ Nội vụ, H còn được UBND xã giao nhiệm vụ hướng dẫn thủ tục cho các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình liên hệ giải Quyết việc sử dụng đất đai trên địa bàn theo Quy chế làm việc ban hành kèm theo Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND xã K.

Trong khoảng thời gian từ tháng 2/2022 đến tháng 7/2023 bị cáo H đã lợi dụng chức vụ, Quyền hạn trong khi thi hành công vụ, làm trái công vụ trong việc tiếp nhận hồ sơ, giải Quyết thủ tục đất đai trong đó có 08 hồ sơ giải Quyết thủ tục đất đai của 09 hộ dân, bị cáo đã không báo cáo với Lãnh đạo UBND xã, không ghi vào sổ sách theo dõi, không giải thích đầy đủ các quy định của pháp luật cho các hộ dân dẫn đến việc họ không hiểu để thực hiện theo quy trình nên đã nhờ H thực hiện toàn bộ thủ tục và đã gợi ý cho các hộ dân để thu số tiền cao hơn chi phí thực tế nhằm H lợi hoặc nhận tiền bồi dưỡng khi làm xong các thủ tục đất đai, đã chiếm đoạt tiền của 09 hộ dân với tổng số tiền là 55.955.840 đồng cụ thể là: ông Lưu Đồng Đ là 12.400.000đ; bà Vũ Thị T1 là 5.200.000đ; bà Đào Thị T2 là 8.200.000đ; bà Trần Thị G là 1.200.000đ; ông Trần Văn Đ là 5.395.000đ; bà Vũ Thị H2 là 6.610.840đ; bà Phạm Thị L là 9.000.000đ; ông D Ngọc T3 là 4.950.000đ và bà Nguyễn Thị O là 3.000.000đ.

Như vậy, đã đủ chứng cứ để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H đã phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, Quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” thuộc trường hợp “*gây thiệt hại về tài sản từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” quy định tại Khoản 1, Điều 356 Bộ luật Hình sự.

“Điều 356. Tội lợi dụng chức vụ, Quyền hạn trong khi thi hành công vụ

1. Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, Quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại về tài sản từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại khác đến lợi ích của Nhà nước, Quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.” ...

Như vậy Viện Kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “*Lợi dụng chức vụ, Quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” quy định tại Khoản 1, Điều 356 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về Hình phạt đối với bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây thiệt hại về tài sản và xâm hại đến hoạt động đúng đắn trong công tác chuyên môn, ảnh hưởng đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về việc giải Quyết thủ tục hành chính về đất đai cho người dân.

Bị cáo là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định, nhận thức được việc lợi dụng chức vụ, Quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại cho các hộ dân là vi phạm pháp luật, nhưng vì vụ lợi mà bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội và đã gây thiệt hại cần xử lý nghiêm.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, tự trả lại toàn bộ số tiền đã nhận là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*” và “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có bố đẻ là người có công, được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì; bản thân bị cáo nhiều lần được Chủ tịch UBND huyện K tặng thưởng giấy khen do có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua được xác định là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Khi lượng hình xét thấy: nhân thân của bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, địa chỉ rõ ràng; ngoài lần phạm tội này, bị cáo chưa vi phạm pháp luật bao giờ. Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần áp dụng loại hình phạt “*Cải tạo không giam giữ*” đối với bị cáo là đủ điều kiện răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời cũng thể hiện được tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật đối với người lần đầu phạm tội nhằm giáo dục cho bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng đủ giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tội như bị cáo.

Bị cáo phạm tội có tính chất vụ lợi nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo để tăng tính nghiêm minh.

[4] Đối với những người có liên quan đến vụ án gồm: anh Bùi Văn D, chị Nguyễn Thị V, ông Vũ Văn T6, ông Trừ Văn T12 có hành vi giới thiệu cho các hộ dân khác đến UBND xã K liên hệ làm việc với Nguyễn Văn H để giải Quyết các thủ

tục đất đai. Tuy N1 những người này không có sự bàn bạc thống nhất gì với H, không môi giới và được H lợi ích gì từ hành vi phạm tội của bị cáo H nên không vi phạm pháp luật.

[5] Đối với anh Phan Thành N2 được H nhờ đi nộp hồ sơ, các khoản chi phí, lệ phí và nhận kết quả cho anh Chu Văn Q. Anh N2 không biết H yêu cầu anh Q, bà T2 nộp tiền để giải Quyết thủ tục đất đai, không được H lợi ích vật chất gì từ H. Do đó, anh N2 không đồng phạm với Nguyễn Văn H.

[6] Quá trình điều tra còn xác định ngoài 08 vụ việc nêu trên, Nguyễn Văn H trong quá trình giải Quyết thủ tục đất đai, còn có hành vi nhận tiền của một số hộ dân khác. Tuy N1 những trường hợp này bị cáo H không có hành vi gợi ý hay ép buộc họ đưa tiền mà giúp họ làm toàn bộ các giấy tờ liên quan, nộp các khoản tiền lệ phí, phí và thuế đất, sau đó mang hóa đơn, chứng từ về thanh toán và được họ tự nguyện bồi dưỡng. Còn một số trường hợp do bận công việc không giúp được nên bị cáo H đã chủ động mang trả hồ sơ và tiền cho họ trước khi hành vi của H bị phát giác. Do đó những hành vi này của bị cáo H chưa gây ra thiệt hại cho những hộ dân này nên không đủ căn cứ để xử lý hình sự.

[7] Đối với Lãnh đạo UBND xã K, bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND xã K, bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND huyện K và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K. Các cá nhân, cơ quan, tổ chức trên khi thực hiện việc giải Quyết thủ tục hành chính về đất đai cho người dân **đã cơ bản thực hiện đúng quy trình**, quy định công tác theo chức năng, nhiệm vụ của mình và không biết về hành vi vi phạm pháp luật của H. Do đó các cá nhân, tổ chức nêu trên không có hành vi tiếp tay hay đồng phạm với Nguyễn Văn H. Riêng Lãnh đạo UBND xã K, ngay sau khi có thông tin về trường hợp anh Bùi Văn D đã kịp thời thông báo đến cơ quan Công an để xác minh và ngăn chặn tội phạm xảy ra theo quy định của pháp luật.

[8] Quá trình điều tra xác định tổng giá trị chuyển nhượng đối với các thửa đất giữa hộ bà Trần Thị Đ1 cho các hộ ông Lưu Đồng Đ, bà Vũ Thị T1 là 940.000.000đồng. Tuy N1 khi làm hợp đồng chuyển nhượng, những người này cung cấp giá trị chuyển nhượng mỗi thửa đất là 150.000.000đồng. Tổng giá trị chuyển nhượng trên hợp đồng thấp hơn tổng giá trị chuyển nhượng thực tế là 490.000.000đồng. Nếu thực hiện thủ tục với giá trị chuyển nhượng này, sẽ gây thất thoát số tiền thuế cho Nhà nước là 12.250.000đồng. Tuy N1, do các hợp đồng chuyển nhượng này chưa được chứng thực nên chưa làm căn cứ xác định nghĩa vụ tài chính. Do đó chưa đủ căn cứ xử lý những người trên về hành vi này. Cơ quan điều tra đã nhắc nhở, yêu cầu những người này làm lại hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất theo đúng giá trị chuyển nhượng thực tế để làm căn cứ xác định nghĩa vụ tài chính là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[9] Về vật chứng của vụ án:

Về vật chứng thu giữ tại nơi làm việc của Nguyễn Văn H gồm: 01 cây máy tính để bàn nhãn hiệu DCKC và 01 màn hình nhãn hiệu ACER; 01 thùng carton niêm phong bên trong chứa 614 trang tài liệu và 01 USB nhãn hiệu VGCA thu giữ tại nơi ở của H. Các đồ vật, tài liệu này thuộc quản lý của UBND xã K cấp cho công chức địa

chính xã đã được Công an huyện K đã trả lại cho UBND xã K do ông Ngô Xuân H6, Phó chủ tịch đã nhận lại các đồ vật, tài liệu trên và không có ý kiến gì khác. Việc trả lại các vật chứng này là phù hợp quy định Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Đối với 01 thùng catton thu giữ tại nơi ở của H, bên trong có 67 trang T5 liệu của người dân đến liên hệ với H để giải Quyết thủ tục hành chính về đất đai. Cơ quan điều tra đã sao các tài liệu và trả lại cho những người dân là chủ tài liệu này. Đối với 01 sổ hộ khẩu số 430133321 đã được trả lại cho anh Lê Văn Đ, sinh năm 1993, trú tại xóm 9, xã K, huyện K là chủ giấy tờ. Việc trả lại các vật chứng này là phù hợp quy định Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Đối với 01 két sắt bên trong không chứa đồ vật, tài liệu, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Lại Thị Thanh T, là vợ của bị cáo H. Bà T đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì. Việc trả lại vật chứng này là phù hợp quy định Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Đối với 01 quyển sổ tay; 605 trang tài liệu được in ra tại cây máy tính để bàn nhãn hiệu DCKC; 614 trang tài liệu được sao lưu từ tài liệu thu giữ tại phòng làm việc; 251 trang tài liệu được in ra tại máy tính Laptop; 67 trang tài liệu được sao lưu từ tài liệu thu giữ tại nơi ở được lưu giữ trong hồ sơ vụ án; nay tiếp tục quản lý theo hồ sơ.

Đối với 12 phong bì thư trong đó có 08 phong bì thư mở, mặt ngoài không ghi thông tin, bên trong các phong bì không chứa đồ vật, tài liệu, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 6.600.000đ thu của bị cáo H không liên quan đến vụ án cần trả lại nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn **hiệu** Iphone 7, màu đen, 01 máy tính Laptop nhãn **hiệu** Dell màu đen (không có pin), 01 USB nhãn **hiệu** APACER là công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CA387303 được bà Lê Thị X trình bày thừa đất trong giấy chứng nhận đã đổi cho em trai là ông Lê Văn C, sinh năm 1972, trú tại xóm 7, xã N, huyện K. Ông C sau đó đã bán lại cho Nguyễn Văn H với giá 250.000.000đồng. Hiện ông C cùng gia đình đang đi làm ăn xa, không xác Đ được địa chỉ cụ thể. Do đó, Cơ quan điều tra đã tách giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất này và phần tài liệu có liên quan để tiếp tục điều tra, xác minh là phù hợp.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội QUY ĐỊNH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 và 4 Điều 356; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 và 136 Bộ luật tố tụng

Hình sự. Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Lợi dụng chức vụ, Quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

2. Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn H 30 (ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giam 170 ngày (từ 01/08/2023 đến 17/01/2024) tương đương 17 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải thi hành 13 tháng cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn H 25.000.000đ sung ngân sách nhà nước. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo sung ngân sách Nhà nước.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự nhận được Quyết định thi hành án, bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính Quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn **hiệu** Iphone 7, màu đen, 01 máy tính Laptop nhãn **hiệu** Dell màu đen (không có pin), 01 USB nhãn **hiệu** APACER sung ngân sách nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo 6.600.000đ (Sáu triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn) nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

- Tiếp tục quản lý theo hồ sơ vụ án 01 quyển sổ tay màu xanh lục kích thước (7,5x10,5)cm gồm 62 trang cả bì; 605 trang tài liệu được in ra tại cây máy tính để bàn nhãn **hiệu** DCKC; 614 trang tài liệu được sao lưu từ tài liệu thu giữ tại phòng làm việc; 251 trang tài liệu được in ra tại máy tính Laptop; 67 trang tài liệu được sao lưu từ tài liệu thu giữ tại nơi ở.

4. Án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm .

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Quyền thoả thuận thi hành án, Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời H1 thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có Quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có Quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có Quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Công an huyện K;
- Bị cáo; người liên quan
- Lưu HS &VP.

(Đã ký)

Phạm Thế Anh